

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 37

010
C
KI
4NH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Huy Đạt	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Cảnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên
Ông Tạ Văn Sơn	Ủy viên
Bà Lại Thị Vinh	Ủy viên
Bà Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hữu Cảnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Huy Đạt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt đã ủy quyền cho Ông Lê Hữu Cảnh - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 08/GUQ- DNC ngày 07 tháng 4 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Số: 061 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 3 năm 2025, từ trang 04 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Lan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.460.963.189	98.913.461.985
I. Tiền	110	4	20.631.732.678	16.262.893.402
1. Tiền	111		20.631.732.678	16.262.893.402
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.845.622.953	16.013.542.328
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	9.886.685.075	15.483.542.328
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(1.565.127.875)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	524.065.753	530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.484.182.496	53.909.220.882
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	38.978.261.330	36.604.635.884
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.266.471.233	1.366.493.107
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	25.239.449.933	15.838.091.891
IV. Hàng tồn kho	140	10	16.415.521.396	10.640.076.054
1. Hàng tồn kho	141		16.581.394.355	10.805.949.013
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(165.872.959)	(165.872.959)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.083.903.666	2.087.729.319
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.979.663.268	1.946.476.702
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.578.547	141.252.617
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	80.661.851	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.279.966.536	74.869.684.909
I. Tài sản cố định	220		59.744.826.839	54.747.607.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	54.483.895.133	50.354.306.565
- Nguyên giá	222		134.731.835.425	122.444.784.963
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.247.940.292)	(72.090.478.398)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	5.260.931.706	4.393.301.363
- Nguyên giá	228		6.148.179.248	5.281.629.248
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(887.247.542)	(888.327.885)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	14	382.687.445	889.450.913
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		382.687.445	889.450.913
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	3.592.670.397	3.659.275.976
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(407.329.603)	(340.724.024)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		25.559.781.855	15.573.350.092
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	25.559.781.855	15.573.350.092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		202.740.929.725	173.783.146.894

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.478.793.392	60.338.233.409
I. Nợ ngắn hạn	310		68.789.408.743	60.179.697.308
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	32.452.539.773	30.807.382.831
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		473.797.398	899.218.950
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3.129.243.900	4.254.804.580
4. Phải trả người lao động	314		906.818.300	810.272.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	11.334.582.676	10.537.239.334
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	4.403.248.460	3.105.689.641
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	14.456.096.582	8.565.306.014
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.633.081.654	1.199.783.827
II. Nợ dài hạn	330		689.384.649	158.536.101
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		689.384.649	158.536.101
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.262.136.333	113.444.913.485
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	133.262.136.333	113.444.913.485
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.277.800.000	64.222.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.277.800.000	64.222.580.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		557.368.590	557.368.590
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.763.109.139	48.001.106.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		17.741.254.467	17.120.472.848
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		34.021.854.672	30.880.633.443
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		202.740.929.725	173.783.146.894



Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		937.408.787.887	802.482.861.535
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	937.408.787.887	802.482.861.535
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	860.603.511.162	734.609.525.271
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		76.805.276.725	67.873.336.264
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.656.053.081	195.660.787
7. Chi phí tài chính	22	26	2.144.598.839	(2.255.829.123)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		512.865.385	751.292.121
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	23.225.477.877	20.314.992.366
9. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		53.091.253.090	50.009.833.808
10. Thu nhập khác	31		473.901.526	402.008.216
11. Chi phí khác	32		371.023.298	2.336.227.915
12. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		102.878.228	(1.934.219.699)
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		53.194.131.318	48.075.614.109
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	10.522.739.007	10.523.277.474
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	530.848.548	158.536.101
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		42.140.543.763	37.393.800.534
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	6.084	5.227

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.194.131.318	48.075.614.109
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.415.006.551	7.173.958.457
- Các khoản dự phòng	03	1.631.733.454	(3.027.340.644)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(57.804.537)	(195.660.787)
- Chi phí lãi vay	06	512.865.385	751.292.121
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	63.695.932.171	52.777.863.256
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(11.533.652.670)	(34.340.566.031)
- Tăng/(giảm) hàng tồn kho	10	(5.529.070.342)	(798.314.743)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	4.656.985.652	32.711.501.362
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(10.019.618.329)	(9.455.248.199)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.596.857.253	8.765.111.358
- Tiền lãi vay đã trả	14	(614.359.280)	(765.544.944)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.479.694.501)	(7.798.808.249)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.228.858.088)	(2.735.853.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.544.521.866	38.360.139.971
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(14.489.072.363)	(11.942.321.450)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(530.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	30.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.764.205	94.059.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.405.308.158)	(12.378.261.894)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	87.584.768.823	66.886.477.360
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(81.693.978.255)	(70.171.171.346)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.661.165.000)	(16.055.732.375)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.770.374.432)	(19.340.426.361)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.368.839.276	6.641.451.716
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.262.893.402	9.621.441.686
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	20.631.732.678	16.262.893.402




Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng




Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu vốn theo Quyết định số 1390/QĐ-UB ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 10 năm 2005, sửa đổi lần thứ 17 số 0200155561 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 01 năm 2025.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 17 ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Công ty là 80.277.800.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 161 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 156 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ và xây dựng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất kết cấu thép các khung tiền chế, kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình viễn thông, thủy lợi, đê kè, cầu cống; Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và xử lý nước; Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế 220KV, cầu tàu, bến cảng, cầu cống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị và công nghiệp, công trình cầu tàu, bến cảng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Phân phối nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023. Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay chi tiết tại Thuyết minh số 37 – Thông tin so sánh phần Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, danh sách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết của Công ty như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề chính
I Chi nhánh phụ thuộc			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Hạ Long	Ki ốt C238, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Phân phối nước sạch
2	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hải Dương	Tầng 3, Tòa nhà Minh Anh Plaza, Số 76 - 80 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Truyền tải và phân phối điện
3	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Ecopark Hưng Yên	Tầng 1, Tòa nhà A3, Khu đô thị Thương mại Du lịch Văn Giang, xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Truyền tải và phân phối điện
4	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Phú Quốc	S336, Khu đô thị An Thới Gate Way, khu phố 6, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Truyền tải và phân phối điện
5	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Nghệ An (i)	TG1-16/LK53-18, Khu đô thị Eco Central Park, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Truyền tải và phân phối điện
II Công ty liên kết			
1	Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (ii)	Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Truyền tải và phân phối điện Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Ghi chú

- (i) Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng - Chi nhánh Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 9 năm 2024 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu ngày 25 tháng 9 năm 2024 với mã số Chi nhánh là 0200155561-005.
- (ii) Chi tiết tại Thuyết minh số 15.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), do quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các hợp đồng hợp tác kinh doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản thu nhập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên việc đánh giá về khả năng thu hồi được của những khoản nợ phải thu này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó: Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất (Công ty không thực hiện trích khấu hao do quyền sử dụng đất là lâu dài) và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá ba năm. Riêng với công tơ điện tử đo xa, Công ty thực hiện phân bổ với thời gian là 6 năm theo chu kỳ kiểm định của công tơ đo xa.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả chi phí đi vay đều được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	Công ty liên kết
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	341.119.202	484.757.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.290.613.476	15.778.136.373
Cộng	20.631.732.678	16.262.893.402

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Mã CP: VCG	9.886.685.075	(1.565.127.875)	9.886.685.075	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Mã CP: CTG	-	-	5.596.857.253	-
Cộng	9.886.685.075	(1.565.127.875)	15.483.542.328	-

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Phản ánh khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 4,8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	38.978.261.330	36.604.635.884
Các hộ dân tại An Dương	13.365.967.529	13.749.636.613
Chi nhánh Điện Ecopark Hưng Yên	8.860.441.848	7.185.165.002
Các hộ dân tại Thủy Nguyên	6.742.539.123	7.261.940.027
Các hộ dân tại Vĩnh Bảo	3.270.612.815	3.415.879.843
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Việt Hưng	373.194.565	373.194.565
Các đối tượng khác	6.365.505.450	4.618.819.834
Cộng	38.978.261.330	36.604.635.884

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng VTTC	765.889.806	504.000.000
Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Mặt Trời	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Cấp điện và Hệ thống LS-Vina	137.148.000	6.560.000
Các đối tượng khác	213.433.427	705.933.107
Cộng	1.266.471.233	1.366.493.107

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu tiền điện, nước tạm tính (i)	13.902.999.994	-	9.945.619.537	-
Tạm ứng	10.169.568.400	-	5.260.089.766	-
Khoản ký quỹ, ký cược	266.972.455	-	200.000.000	-
Phải thu khác	899.909.084	-	432.382.588	-
<i>Lãi cho vay phải thu</i>	<i>4.040.332</i>	-	<i>197.026.520</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>895.868.752</i>	-	<i>235.356.068</i>	-
Cộng	25.239.449.933	-	15.838.091.891	-

Ghi chú

- (i) Phải thu khác tương ứng doanh thu tiền điện, nước tạm tính kể từ ngày chốt công tơ kỳ cuối đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.674.874.460	(165.872.959)	5.883.967.341	(165.872.959)
Công cụ dụng cụ	236.582.136	-	130.366.341	-
Chi phí SXKD dở dang	7.669.937.759	-	4.791.615.331	-
Cộng	16.581.394.355	(165.872.959)	10.805.949.013	(165.872.959)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hàng tồn kho ứ đọng, chưa được tiêu thụ là 165.872.959 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 165.872.959 VND); do đây là các hàng tồn kho đặc thù của ngành điện, Công ty dự kiến sẽ thực hiện thanh lý hoặc tái sử dụng phù hợp trong tương lai.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các công trình xây dựng đang thực hiện, số dư cuối năm chủ yếu bao gồm công trình đường bao phía Đông Nam quận Hải An. Ngày 12 tháng 02 năm 2025, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng - Ủy ban Nhân dân quận Hải An đã có Thông báo số 01/TB-QLDA về việc tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình đường bao phía Đông Nam quận Hải An, hướng dẫn lập hồ sơ điều chỉnh dự án và kế hoạch triển khai thi công.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.979.663.268</i>	<i>1.946.476.702</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	535.791.828	620.783.946
Chi phí bảo hiểm	36.197.254	40.266.072
Chi phí sửa chữa	573.127.511	47.561.965
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	834.546.675	1.237.864.719
<i>Dài hạn</i>	<i>25.559.781.855</i>	<i>15.573.350.092</i>
Công cụ dụng cụ xuất dùng (i)	21.867.974.248	13.825.140.727
Chi phí dự án 34 Thiên Lôi (ii)	524.321.186	1.093.347.052
Chi phí sửa chữa lưới điện, hệ thống nước	1.838.915.109	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.328.571.312	654.862.313
Cộng	27.539.445.123	17.519.826.794

Ghi chú:

- (i) Công cụ dụng cụ xuất dùng chủ yếu là giá trị công tơ điện từ đo xa.
- (ii) Phản ánh các chi phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục khu Văn phòng Công ty tại 34 Thiên Lôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	14.356.660.588	99.654.986.127	8.262.885.998	170.252.250	122.444.784.963
Mua trong năm	-	-	293.804.593	-	293.804.593
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.787.441.832	10.710.804.037	-	-	12.498.245.869
Giảm khác	-	(505.000.000)	-	-	(505.000.000)
Số cuối năm	16.144.102.420	109.860.790.164	8.556.690.591	170.252.250	134.731.835.425
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	4.969.005.409	62.743.149.447	4.208.071.292	170.252.250	72.090.478.398
Khấu hao trong năm	1.030.495.952	6.566.779.029	818.811.913	-	8.416.086.894
Giảm khác	-	(258.625.000)	-	-	(258.625.000)
Số cuối năm	5.999.501.361	69.051.303.476	5.026.883.205	170.252.250	80.247.940.292
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	9.387.655.179	36.911.836.680	4.054.814.706	-	50.354.306.565
Số cuối năm	10.144.601.059	40.809.486.688	3.529.807.386	-	54.483.895.133

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.860.790.906 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.929.820.082 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 42.971.792.845 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41.890.567.936 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	4.086.629.248	1.195.000.000	5.281.629.248
Mua trong năm	-	866.550.000	866.550.000
Số cuối năm	4.086.629.248	2.061.550.000	6.148.179.248
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	340.000.002	548.327.883	888.327.885
Khấu hao trong năm	-	338.919.659	338.919.659
Giảm khác	(340.000.002)	-	(340.000.002)
Số cuối năm	-	887.247.542	887.247.542
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	3.746.629.246	646.672.117	4.393.301.363
Số cuối năm	4.086.629.248	1.174.302.458	5.260.931.706

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Công ty đã thế chấp tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 680.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 340.000.002 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DỬ DANG DÀI HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công trình dự án Văn phòng Chi nhánh Phú Quốc	203.374.878	-
Công trình điện tại Vĩnh Bảo	137.518.000	137.518.000
Công trình điện tại phường An Đồng	5.140.000	24.464.697
Công trình điện tại phường An Đồng và Hồng Thái	10.185.185	19.989.461
Công trình điện tại 3 phường Thủy Nguyên	26.469.382	707.478.755
Cộng	382.687.445	889.450.913



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	4.000.000.000	407.329.603	4.000.000.000	340.724.024
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long	4.000.000.000	407.329.603 (*)	4.000.000.000	340.724.024 (*)
Cộng	4.000.000.000	407.329.603	4.000.000.000	340.724.024

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5702012647 ngày 18 tháng 9 năm 2019 và sửa đổi lần thứ 01 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Công ty Cổ phần Điện nước Lấp máy Hải Phòng đăng ký góp 4.000.000.000 VND (chiếm 40% vốn điều lệ), tỷ lệ quyền biểu quyết chiếm 40%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp đủ số vốn đăng ký nói trên.

Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long có địa chỉ đăng ký tại Ki-ốt C238, Khu phố cổ Sunworld, đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long là: Truyền tải và phân phối điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

Trong năm 2024, Công ty đang hoạt động kinh doanh bình thường với các dịch vụ cung cấp điện, nước. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế là: (1.018.324.008) VND.

Ghi chú:

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực An Dương	4.284.795.060	4.284.795.060	7.386.021.307	7.386.021.307
Công ty Điện lực Hưng Yên - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	16.629.270.191	16.629.270.191	11.229.873.038	11.229.873.038
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Thủy Nguyên	3.318.420.350	3.318.420.350	2.559.578.209	2.559.578.209
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Vĩnh Bảo	2.475.209.971	2.475.209.971	3.113.050.664	3.113.050.664
Các Công ty, chi nhánh điện lực khác	3.610.382.975	3.610.382.975	3.612.294.269	3.612.294.269
Các đối tượng khác	2.134.461.226	2.134.461.226	2.906.565.344	2.906.565.344
Cộng	32.452.539.773	32.452.539.773	30.807.382.831	30.807.382.831

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu	Số đã thực nộp/thu	Số cuối năm
	(Trình bày lại)	trong năm	trong năm	
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	256.896.402	6.534.518.522	6.713.361.765	78.053.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.886.314.118	10.526.345.571	11.479.694.501	2.932.965.188
Thuế thu nhập cá nhân	111.594.060	2.682.390.661	2.675.759.168	118.225.553
Tiền thuê đất	-	490.271.250	490.271.250	-
Các loại thuế khác	-	37.011.210	37.011.210	-
Cộng	4.254.804.580	20.270.537.214	21.396.097.894	3.129.243.900
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	80.661.851	80.661.851
Cộng	-	-	80.661.851	80.661.851

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước tiền lương tháng 13, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ	2.936.109.854	2.838.534.317
Trích trước tiền điện, tiền nước đầu nguồn	6.584.452.498	7.106.345.280
Các khoản khác	1.814.020.324	592.359.737
Cộng	11.334.582.676	10.537.239.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ký quỹ bảo lãnh hợp đồng công trình cấp điện, nước, thiết bị dự án đường bao Đông Nam quận Hải An	1.887.698.148	1.887.698.148
Phải trả Ông Trần Ngọc Hải tiền nộp các công trình xây dựng	1.080.210.074	-
Chi phí lãi vay dự trả	7.440.291	108.934.186
Các khoản phải trả khác	1.427.899.947	1.109.057.307
Cộng	<u>4.403.248.460</u>	<u>3.105.689.641</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn các đối tượng khác</i>	13.156.096.582	13.156.096.582	81.693.978.255	87.584.768.823	7.265.306.014	7.265.306.014
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.001.142.476	1.001.142.476	27.332.294.651	23.322.568.357	5.010.868.770	5.010.868.770
- Chi nhánh Hải Phòng (i)	3.002.259.147	3.002.259.147	33.104.637.777	35.053.144.787	1.053.752.137	1.053.752.137
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (ii)	1.002.694.959	1.002.694.959	11.057.045.827	11.059.055.679	1.000.685.107	1.000.685.107
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	7.990.000.000	7.990.000.000	10.000.000.000	17.990.000.000	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam Bà Nguyễn Thị Lý (iv)	160.000.000	160.000.000	200.000.000	160.000.000	200.000.000	200.000.000
<i>Vay ngắn hạn là bên liên quan</i>	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long (v)	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000
Cộng	14.456.096.582	14.456.096.582	81.693.978.255	87.584.768.823	8.565.306.014	8.565.306.014

Ghi chú:

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/202969/HĐTD ký ngày 05 tháng 8 năm 2024 với hạn mức tín dụng thường xuyên là 10 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay, thời hạn vay được quy định cụ thể theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo (Xem Thuyết minh số 12).
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01.2024/HĐCĐ/VCB-DNC.HP ký ngày 28 tháng 6 năm 2024 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ VND. Thời hạn vay 12 tháng. Thời hạn cho vay cho mỗi khoản vay không quá 2 tháng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

Biện pháp bảo đảm:

- +) Thế chấp xe ô tô Toyota Land Cruise Prado biển số 15A-565.75 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098695 do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2020 (xem Thuyết minh số 12).
- +) Thế chấp căn hộ chung cư số 706 thuộc tòa A1, Khu căn hộ rừng cọ, Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang tại xã Xuân Quan, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DD 448738 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp ngày 02 tháng 12 năm 2021 (xem Thuyết minh số 12).
- +) Cầm cố/ Thế chấp Sổ tiết kiệm/ Tiền gửi của cá nhân là thành viên góp vốn Công ty sơ hữu trực tiếp từ 5% vốn điều lệ Công ty trở lên (bằng tiền VND và/hoặc ngoại tệ): quy đổi tối thiểu 10 triệu VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNG

Số 34 đường Thiên Lôi, phường An Dương,
Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

MÃU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức cho vay hạn mức số 01/2024-HĐCVHM/NHCTI66-DNC ngày 04 tháng 3 năm 2024 với hạn mức cho vay ngắn hạn là 20 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 3 năm 2024 đến hết ngày 06 tháng 01 năm 2025. Thời gian và lãi suất cho vay sẽ được xác định trên Giấy nhận nợ theo từng khoản vay. Biện pháp đảm bảo gồm thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Mercedes biển số 15A-989.46 theo Giấy đăng ký xe số 15 051285 cấp ngày 08 tháng 6 năm 2022 và thế chấp thửa đất có diện tích 100 m² tại thôn Vĩnh Khê, xã An Đông, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 728098 (xem các Thuyết minh số 12 và 13).
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay vốn số 01-2024/HĐVV ngày 01 tháng 4 năm 2024. Số tiền vay 160.000.000 VND, thời hạn 1 năm. Theo hình thức cho vay và trả nợ 1 lần. Lãi suất phải trả tiền vay là 5,5%/năm (được tính là 360 ngày). Lãi vay trả theo quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (v) Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 01-HĐVT ngày 15/01/2020, Phụ lục hợp đồng số 01-2021/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2021, Phụ lục số 01-2022/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2022, Phụ lục 01-2023/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2023, Phụ lục 01-2024/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Phụ lục 01-2025/PLHĐVT ngày 02 tháng 01 năm 2025. Thời hạn vay 1 năm. Lãi suất 4,6%/năm. Tiền lãi vay trả hàng quý. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẤP MÁY HẢI PHÒNGSố 34 đường Thiên Lôi, phường An Dương,
Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	64.222.580.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	29.595.168.317	95.038.975.511
Lãi trong năm	-	-	-	-	37.393.800.534	37.393.800.534
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.387.010.235)	(1.387.010.235)
Chia cổ tức năm 2022	-	-	-	-	(9.633.474.375)	(9.633.474.375)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2023	-	-	-	-	(6.422.258.000)	(6.422.258.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh	-	-	-	-	(1.545.119.950)	(1.545.119.950)
Số đầu năm nay	64.222.580.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	48.001.106.291	113.444.913.485
Lãi trong năm	-	-	-	-	42.140.543.763	42.140.543.763
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	-	(1.727.502.827)	(1.727.502.827)
Tăng vốn trong năm (ii)	16.055.220.000	-	-	-	(16.055.220.000)	-
Chia cổ tức đợt 2, năm 2023 (i)	-	-	-	-	(9.633.385.000)	(9.633.385.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1, năm 2024 (i)	-	-	-	-	(8.027.780.000)	(8.027.780.000)
Phân chia lợi nhuận liên danh (i)	-	-	-	-	(2.934.653.088)	(2.934.653.088)
Số dư cuối năm nay	80.277.800.000	(50.000.000)	713.858.604	557.368.590	51.763.109.139	133.262.136.333

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-2024/NQ-DHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2024 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, phân chia cổ tức năm 2023 trong năm.

Cụ thể như sau:

- Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 đợt 2 là 15%/Vốn tương ứng số tiền là 9.633.385.000 VND.
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi 5%: 1.727.502.827 VND.
- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú (Tiếp theo):

- Chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

<u>Công ty</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark	2.610.851.586
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP	167.558.820
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng	65.333.590
Cộng	<u>2.843.743.996</u>

Ngoài ra, trong năm Công ty đã chia lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp thương mại số tiền 90.909.091 VND, số tiền này là cố định hàng kỳ và không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty.

- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền, tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 06 tháng 9 năm 2024, giá trị là: 8.027.780.000 VND.
Ngoài ra, Công ty thông báo tạm ứng cổ tức năm 2024 đợt 2, tỷ lệ thanh toán 15%/Cổ phiếu, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 07 tháng 3 năm 2025.
- (ii) Theo Nghị quyết tăng vốn điều lệ Công ty số 12/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc phát hành bổ sung 1.605.564 cổ phần để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty, mệnh giá của 01 cổ phần: 10.000 VND. Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quyết định chấp thuận việc niêm yết bổ sung 1.605.522 cổ phiếu phổ thông theo Quyết định số 914/QĐ-SGDHN ngày 21 tháng 8 năm 2024, tổng giá trị đã phát hành là 16.055.220.000 VND.

Trong năm, số cổ tức đã thực tế chi trả cho chủ sở hữu là: 17.661.165.000 VND.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	80.277.800.000	64.222.580.000
Cộng	<u>80.277.800.000</u>	<u>64.222.580.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	64.222.580.000	64.222.580.000
- Vốn góp tăng trong năm	16.055.220.000	-
- Vốn góp cuối năm	80.277.800.000	64.222.580.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	33.716.385.000	16.055.732.375

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.027.780	6.422.258
- Cổ phiếu phổ thông	8.027.780	6.422.258
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.027.780	6.422.258
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Đối tượng nợ khó đòi đã xử lý		
Ban quản lý xã Tam Đa - Công trình đường ống nước xã Tam Đa (Hải)	306.598.000	306.598.000
Hải-Tur (Thu lãi vay Công trình - Bệnh viện Việt Tiệp 2)	143.538.776	143.538.776
Cộng	<u><u>450.136.776</u></u>	<u><u>450.136.776</u></u>

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u><u>937.408.787.887</u></u>	<u><u>802.482.861.535</u></u>
Doanh thu bán điện	912.123.545.184	776.670.092.834
Doanh thu bán nước	17.425.584.381	17.502.684.500
Doanh thu khác	7.859.658.322	8.310.084.201
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u><u>937.408.787.887</u></u>	<u><u>802.482.861.535</u></u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ bán điện	841.300.577.838	714.715.092.771
Giá vốn của dịch vụ bán nước	16.650.903.527	16.573.605.332
Giá vốn của dịch vụ khác	2.652.029.797	3.320.827.168
Cộng	<u><u>860.603.511.162</u></u>	<u><u>734.609.525.271</u></u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.598.248.544	-
Lãi tiền gửi, cho vay	57.804.537	195.660.787
Cộng	<u><u>1.656.053.081</u></u>	<u><u>195.660.787</u></u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	512.865.385	751.292.121
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	1.631.733.454	(3.007.121.244)
Cộng	<u><u>2.144.598.839</u></u>	<u><u>(2.255.829.123)</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	16.501.125.890	16.601.637.172
Chi phí nhân công	32.741.152.338	31.062.022.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.415.006.551	7.173.958.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.977.055.384	16.222.241.729
Chi phí khác bằng tiền	10.457.150.218	11.252.082.120
Cộng	<u>96.091.490.381</u>	<u>82.311.942.204</u>

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.878.228.341	9.226.760.825
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.484.262.176	831.794.100
Thuế, phí và lệ phí	633.893.571	562.128.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	795.460.531	4.040.387.377
Các khoản chi phí QLDN khác	7.433.633.258	5.653.921.818
Cộng	<u>23.225.477.877</u>	<u>20.314.992.366</u>

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	53.194.131.318	48.075.614.109
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	<u>(580.436.281)</u>	<u>4.110.966.267</u>
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	<u>2.073.806.459</u>	<u>4.903.646.770</u>
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	1.061.390.499	812.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.012.415.960	4.091.646.770
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	<u>2.654.242.740</u>	<u>792.680.503</u>
- Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	2.654.242.740	792.680.503
Thu nhập chịu thuế	<u>52.613.695.037</u>	<u>52.186.580.376</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>10.522.739.007</u>	<u>10.437.316.075</u>
Truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	85.961.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	<u>10.522.739.007</u>	<u>10.523.277.474</u>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 580.436.281 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chênh lệch phân bổ chi phí trả trước	2.654.242.740	792.680.505
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>530.848.548</u>	<u>158.536.101</u>

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.140.543.763	37.393.800.534
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	90.909.091	4.571.246.823
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	1.727.502.827
- Chia lãi liên danh (ii)	90.909.091	2.843.743.996
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.231.452.854	41.965.047.357
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (ii)	6.941.303	8.027.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.084	5.227
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2024, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong năm 2025.

Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm trước được trình bày lại do các nguyên nhân sau:

- (i) Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và lãi liên danh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2024.
- (ii) Công ty phát hành 1.605.522 cổ phần để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết tăng vốn điều lệ Công ty số 12/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trên Báo cáo năm 2023 là 5.808 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	14.456.096.582	8.565.306.014
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(20.631.732.678)	(16.262.893.402)
Nợ thuần	(6.175.636.096)	(7.697.587.388)
Vốn chủ sở hữu	133.262.136.333	113.444.913.485
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.631.732.678	16.262.893.402
Phải thu về cho vay	-	100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.217.711.263	52.442.727.775
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	524.065.753	530.000.000
Chứng khoán kinh doanh	8.321.557.200	15.483.542.328
Đầu tư tài chính dài hạn	3.592.670.397	3.659.275.976
Tổng cộng	97.287.737.291	88.478.439.481
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	36.855.788.233	33.913.072.472
Chi phí phải trả	11.334.582.676	10.537.239.334
Vay và nợ thuê tài chính	14.456.096.582	8.565.306.014
Tổng cộng	62.646.467.491	53.015.617.820

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u> VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.631.732.678	-	-	20.631.732.678
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.217.711.263	-	-	64.217.711.263
Chứng khoán kinh doanh	8.321.557.200	-	-	8.321.557.200
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	524.065.753	-	-	524.065.753
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.592.670.397	3.592.670.397
Tổng cộng	93.695.066.894	-	3.592.670.397	97.287.737.291
Số cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	36.855.788.233	-	-	36.855.788.233
Chi phí phải trả	11.334.582.676	-	-	11.334.582.676
Vay và nợ thuê tài chính	14.456.096.582	-	-	14.456.096.582
Tổng cộng	62.646.467.491	-	-	62.646.467.491
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.048.599.403	-	3.592.670.397	34.641.269.800
	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u> VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.262.893.402	-	-	16.262.893.402
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.442.727.775	-	-	52.442.727.775
Phải thu về cho vay	100.000.000	-	-	100.000.000
Chứng khoán kinh doanh	15.483.542.328	-	-	15.483.542.328
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	530.000.000	-	-	530.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.659.275.976	3.659.275.976
Tổng cộng	84.819.163.505	-	3.659.275.976	88.478.439.481
Số đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	33.913.072.472	-	-	33.913.072.472
Chi phí phải trả	10.537.239.334	-	-	10.537.239.334
Vay và nợ thuê tài chính	8.565.306.014	-	-	8.565.306.014
Tổng cộng	53.015.617.820	-	-	53.015.617.820
Chênh lệch thanh khoản thuần	31.803.545.685	-	3.659.275.976	35.462.821.661

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC

Trong năm, Công ty tham gia vào các hợp đồng liên danh và hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng Liên danh Quản lý và Kinh doanh điện tại Khu đô thị Cự Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng số 10/2008/ĐN-XDDT ngày 08 tháng 3 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP hợp tác khai thác và kinh doanh điện năng tại Khu đô thị Cự Viên, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Tài sản khai thác là Hệ thống đường dây và Trạm biến áp đã được xây dựng xong tại địa điểm trên do Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VP là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác kể từ khi công trình hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng; Nguồn vốn tối thiểu là 200.000.000 VND, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Phương thức thực hiện bằng cách thành lập Ban Quản lý điện, hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng Liên danh về việc Quản lý và Kinh doanh điện với Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng số 1208/HDLĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 tại Khu dự án “Đầu tư Xây dựng nhà ở trên diện tích hành lang và thân đê đôi ra do kiên cố hóa đê để tạo vốn thực hiện dự án đầu tư thí điểm kiên cố hóa đê, kè bờ hữu sông Lạch Tray” (Đoạn từ Km 34+600 đến Km 35+950); Tài sản khai thác là Hệ thống điện hạ thế và tủ điện đã được xây dựng xong tại địa bàn nói trên thuộc địa bàn phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Hải Phòng là Chủ đầu tư; Thời gian hợp tác tính theo thời hạn có hiệu lực của Giấy phép hoạt động điện lực do Sở Công thương thành phố Hải Phòng cấp thay cho Giấy phép hoạt động điện lực số 151 ngày 14 tháng 9 năm 2011 của Cục Điều tiết Điện lực; Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phân chia cho các bên theo tỷ lệ đóng góp; Thành lập Ban Quản lý điện do Công ty trực tiếp điều hành và hạch toán báo sổ về Công ty.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHTKD/HLC-HP ngày 30 tháng 3 năm 2019 với Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long tại “Dự án Sun Premier Village Ha Long Bay” và “Dự án Sun Plaza Grand World”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Hạ Long kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 12 trạm biến áp tổng công suất 20.110 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối), hệ thống cung cấp nước sạch; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thoả thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0819/HĐHTKD ngày 16 tháng 8 năm 2019 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Thương mại về việc kinh doanh bán điện tại đọt 1 (7,3 ha) thuộc giai đoạn 1 dự án Khu đô thị nổi đường Lạch Tray với đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 trên địa bàn phường Đông Hải, phường Dư Hàng Kênh thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Thời hạn của hợp đồng từ tháng 8 năm 2019 đến khi Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng không còn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực. Công ty phải phân chia lợi nhuận cho đối tác theo thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1001/HĐHTKD/ECOPARKHD-HP ngày 10 tháng 01 năm 2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương tại dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Thái Bình (Ecorivers). Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương kinh doanh bằng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Ecopark Hải Dương đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống 21 trạm biến áp tổng công suất 35.000 KVA, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện); hệ thống điện chiếu sáng; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thoả thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark theo Hợp đồng số 201/HĐHTKD/ECOPARK-DNC ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại Khu đô thị Thương mại và Du lịch Văn Giang (Ecopark), huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ecopark kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống điện hạ thế và tủ điện phân phối, công tơ đếm điện. Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận. Trong quá trình kinh doanh, trường hợp phát sinh lỗ, Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng cam kết tự chịu chi phí để bù lỗ và được hạch toán chuyển lỗ năm sau.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp và Xây dựng Việt Trung (Bên A) theo Hợp đồng số 01/2021/HĐHT ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc: Hợp tác quản lý, vận hành, kinh doanh bán điện tại dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư Bắc Sông Cấm. Thời gian hợp tác lâu dài và theo từng giai đoạn. Bên A ủy quyền cho Công ty thực hiện các thủ tục để xin cấp phép hoạt động điện lực trên địa bàn Dự án các khu tái định cư Bắc Sông Cấm, hạch toán doanh thu, chi phí của hoạt động kinh doanh. Lãi/Lỗ do quá trình kinh doanh điện tại Dự án mang lại sẽ được phân chia cho đối tác theo thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 161/2023/HĐHTKD/PQC-HP ngày 15 tháng 11 năm 2023 với Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc tại “Dự án Khu đô thị Gateway”, “Dự án Cáp treo và Quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc”, “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Bãi Khem Mặt trời Phú Quốc” và “Dự án khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp Premier Village Phú Quốc resort”. Theo hợp đồng, Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống điện (hệ thống trạm biến áp đầu tư trọn bộ, hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế và tủ điện phân phối); Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 152/2024/HĐHTKD/VIETLAO-DNC ngày 04 tháng 9 năm 2024 với Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào (Bên A), hợp tác để thực hiện kinh doanh điện hệ thống điện do Bên A đã đầu tư tại Dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội tại và Dự án mở rộng dự án Khu đô thị và nhà ở xã hội xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Theo hợp đồng, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế Việt Lào kinh doanh bằng tài sản của Công ty đã đầu tư tại dự án bao gồm: Hệ thống trạm biến áp trọn bộ; hệ thống lưới điện trung thế 22KV, hệ thống lưới hạ thế tủ điện phân phối, công tơ đo đếm điện; Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý, vận hành tài sản hợp tác và các công việc liên quan. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh sau thuế theo tỷ lệ thỏa thuận.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan đã trình bày tại Thuyết minh số 20, trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện nước Hạ Long		
Chi phí lãi vay	60.796.666	42.736.111
Lãi vay đã trả	60.796.666	42.736.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm toán nội bộ, Kế toán trưởng và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	6.555.068.094	6.357.791.030
Ông Đỗ Huy Đạt	946.840.000	905.724.500
Ông Lê Hữu Cảnh	1.585.229.077	1.627.553.200
Ông Nguyễn Trung Kiên	256.500.000	236.500.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	842.733.969	813.885.400
Ông Tạ Văn Sơn	269.500.000	248.500.000
Ông Nguyễn Văn Thao	924.217.385	864.546.307
Bà Lại Thị Vinh	213.000.000	196.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	605.123.012	602.583.215
Bà Dương Thị Thùy Linh	137.500.000	131.000.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	774.424.651	731.498.408
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Cổ tức được nhận từ Công ty	12.582.245.500	11.075.259.500
Ông Đỗ Huy Đạt	4.431.599.000	3.987.040.000
Ông Lê Hữu Cảnh	2.191.317.500	1.992.107.500
Ông Nguyễn Trung Kiên	4.785.525.000	3.992.295.000
Bà Vũ Thị Lương Dung	586.685.000	533.350.000
Ông Tạ Văn Sơn	81.526.000	74.115.000
Ông Nguyễn Văn Thao	214.940.000	195.400.000
Bà Lại Thị Vinh	134.398.000	122.180.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	98.985.000	85.022.000
Bà Mai Thị Thanh Hà	57.270.000	93.750.000

35. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực miền Bắc nên Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được trình bày là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty, bao gồm lĩnh vực kinh doanh cung cấp điện, nước và xây dựng.

Kết quả bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận khác và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. THÔNG TIN BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

Dưới đây là phân tích doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh:

	Lĩnh vực kinh doanh điện	Lĩnh vực kinh doanh nước	Lĩnh vực khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	912.123.545.184	17.425.584.381	7.859.658.322	937.408.787.887
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	912.123.545.184	17.425.584.381	7.859.658.322	937.408.787.887
Giá vốn bộ phận	841.300.577.838	16.650.903.527	2.652.029.797	860.603.511.162
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	70.822.967.346	774.680.854	5.207.628.525	76.805.276.725
	VND	VND	VND	VND
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.670.092.834	17.502.684.500	8.310.084.201	802.482.861.535
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.670.092.834	17.502.684.500	8.310.084.201	802.482.861.535
Giá vốn bộ phận	714.715.092.771	16.573.605.332	3.320.827.168	734.609.525.271
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	61.955.000.063	929.079.168	4.989.257.033	67.873.336.264

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm bao gồm 321.348.666 VND là số tiền ứng trước cho một số nhà thầu theo các Hợp đồng mua bán tài sản cố định và cung cấp dịch vụ thi công xây dựng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

37. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số đã báo cáo tại 31/12/2023	Trình bày lại	Số sau trình bày tại 01/01/2024	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Bảng cân đối kế toán				
Thuế GTGT được khấu trừ	36.567.506	104.685.111	141.252.617	(i)
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12.415.416	(12.415.416)	-	(i)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.162.534.885	92.269.695	4.254.804.580	(i)

Ghi chú:

- (i) Công ty trình bày lại các khoản thuế giá trị gia tăng theo số liệu kê khai điều chỉnh tại các tờ khai bổ sung.

Nguyễn Thị Lý
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Mai Thị Thanh Hà
Kế toán trưởng



Lê Hữu Cảnh
Tổng Giám đốc